TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐẮK GLONG** TỈNH ĐẮK NÔNG	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 17/2018/HS-ST
Ngày 24-4-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẮK GLONG TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Vũ Văn Tuân.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Võ Văn Việt và ông Phạm Xuân Đức.

- Thư ký phiên toà: Ông Y Thanh Lâm – Thư ký Toà án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Viết Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đắk Glong, tỉnh Đắk Nông mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 11/2018/TLST-HS ngày 12 tháng 3 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 10/2018/QĐXXST-HS, ngày 11/4/2018 đối với bị cáo:

NôngVăn S, sinh năm 1986 tại tỉnh Cao Bằng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông; chỗ ở trước khi phạm tội: Thôn 8, xã Đ, thị xã G, tỉnh Đắk Nông; nghề nghiệp: Làm nông; trình độ văn hóa (học vấn): 5/12; dân tộc: Nùng; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nông Văn K và bà Đàm Thị N; có vợ là Lý Thị D (đã ly hôn) và 03 con; bị bắt tạm giam ngày 27/12/2017, đang tạm giam tại nhà tạm giữ Công an, huyện Đắk Glong. Có mặt.

Bị hại: Anh Nông Đức C, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

- NLQ 1, sinh năm 1976; nơi cư trú: Thôn 5, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

- NLQ 2, sinh năm 1982; nơi cư trú: Thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

- NLQ 3, sinh năm 1987; nơi cư trú: Thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

Người làm chứng:

- NLC 1, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

- NLC 2, sinh năm 1981; nơi cư trú: Thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

- NLC 3, sinh năm 1969; nơi cư trú: Bon B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

- NLC 4, sinh năm 1958; nơi cư trú: Bon B, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

- NLC 5, sinh năm 1988; nơi cư trú: Thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

- NLC 6, sinh năm 1989; nơi cư trú: Thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Có mặt.

- NLC 7, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

- NLC 8, sinh năm 1983; nơi cư trú: Thôn 4, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

- NLC 9, sinh năm 1978; nơi cư trú: Thôn 2, xã Đ, huyện Đ, tỉnh Đắk Nông. Vắng mặt.

NỘI DUNG CỦA VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Năm 2009, Ủy ban nhân dân huyện Đắk Glong thu hồi 533,1ha của Công ty Lâm nghiệp G thuộc địa giới hành chính xã Q để xây dựng khu tái định canh, định cư Thủy điện Đ. Thông qua các cuộc tiếp xúc cử tri S biết mình không thuộc đối tượng được cấp tái định canh, định cư nhưng đến đầu năm 2012 S thấy diện tích đất chuẩn bị được cấp tái định canh, định cư bằng phẳng nên đã lấn chiếm 435m^2, trồng cây gòn, làm nhà tạm trên đất để ở. Cũng trong năm 2012, NLC 2 được cấp 4.085m^2 theo diện hỗ trợ tái định canh, định cư trong đó có 435m^2 S đã lấn chiếm, sử dụng. Đến tháng 3/2015, S không có tiền tiêu xài nên đã bán diện tích đất 435m^2 và tài sản trên đất cho NLQ 1 với giá 15.000.000 đồng, NLQ 1 đã đưa cho S 3.000.000 đồng. Sau đó S tiếp tục nhờ NLQ 3 giới thiệu người để S bán diện tích đất đã bán cho NLQ 1 nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền của người mua đất. NLQ 3 đã giới thiệu anh Nông Đức C cho S và anh C đồng ý mua đất và tài sản trên đất với giá 25.000.000 đồng, anh C đặt cọc cho S 1.000.000 đồng, số tiền còn lại sẽ được thanh toán sau khi S làm xong các giấy tờ liên quan đến đất. Khi giới thiệu anh C cho S, NLQ 3 không biết mục đích chiếm đoạt tài sản của S.

Ngày 05/3/2016, S viết giấy tặng nhà đất thổ cư cho anh C để anh C tin tưởng giao cho S 10.000.000 đồng; ngày 12/6/2016 S tiếp tục viết giấy sang nhượng đất cho anh C và nhận 9.000.000 đồng, cả hai lần viết giấy với nội dung nêu trên S đều nhằm mục đích chiếm đoạt tiền của anh C; bị cáo đã cho NLQ 3 700.000 đồng; ngày 14/7/2016 vợ chồng anh C chuyển đến ở trên đất mua của S thì phát hiện trước đó S đã bán đất cho NLQ 1. Để tránh tranh chấp, NLQ 1 và anh C đã liên hệ với S để yêu cầu trả lại cho NLQ 1 3.000.000 đồng, S không có tiền nên tiếp tục mượn của anh C 3.000.000 đồng để trả cho NLQ 1. Tổng cộng S đã nhận của anh C 23.000.000 đồng.

Sau nhiều lần hỏi S về giấy tờ hợp pháp của diện tích đất chuyển nhượng nhưng S đều lảng tránh và biết đất không phải của S nên anh C đã đòi lại tiền. Ngày 20/11/2016, anh C viết giấy trả lại đất và nhà cho S và S trả lại cho anh C 23.000.000đ nhưng S không trả. Mục đích S viết giấy nhận lại đất và nhà là để chiếm đoạt số tiền của anh C.

Vật chứng thu giữ được gồm: Giấy sang nhượng đất ngày 05/3/2015; giấy trao tặng nhà đất thổ cư ngày 05/3/2016; giấy biên nhận chuyển tiền ngày 07/3/2016; giấy sang nhượng nhà đất ngày 12/6/2016; giấy hẹn trả tiền; giấy hoàn trả nhà đất ngày 20/11/2016; giấy biên bản giao lại nhà ngày 01/12/2016.

Tại bản cáo trạng số 15/CTr-VKS, ngày 16/3/2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong đã truy tố bị cáo Nông Văn S về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố hành vi của bị cáo như bản cáo trạng. Sau khi phân tích các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nông Văn S phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*; áp dụng khoản 1 Điều 139; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009, xử phạt bị cáo Nông Văn S từ 09 đến 12 tháng tù; về vật chứng vụ án là thu giữ được là tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo cần lưu hồ sơ vụ án; về trách nhiệm dân sự: áp dụng khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 604, 608 của Bộ luật dân sự năm 2005, buộc bị cáo phải bồi thường cho anh Nông Đức C 18.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị cáo Nông Văn S đã khai nhận hành vi phạm tội của bị cáo như bản cáo trạng đã truy tố, đồng ý bồi thường cho anh C số tiền còn lại là 18.000.000 đồng, không có ý kiến tranh luận đối với quan điểm của đại diện Viện kiểm sát. Anh Nông Đức C yêu cầu bị cáo bồi thường 18.000.000 đồng và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại lời nói sau cùng, bị cáo Nông Văn S đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định của Cơ quan điều tra Công an huyện Đắk Glong, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của bị cáo tại phiên toà phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ căn cứ kết luận: Bị cáo Nông Văn S không có đất tại khu tái định cư công trình thủy điện Đồng Nai 3 nhưng đã lấn chiếm đất của NLC 3 435m^2, dựng nhà tạm, trồng cây gòn trên đất sau đó bán cho NLQ 1 với giá 15.000.000 đồng, NLQ 1 đưa trước cho bị cáo 3.000.000 đồng. Bị cáo tiếp tục nhờ người giới thiệu để bán diện tích đất trên cho anh Nông Đức C với giá tiền 25.000.000 đồng, bị cáo đã nhận của anh C 23.000.000 đồng, trong đó có 3.000.000 đồng bị cáo sử dụng để trả lại cho NLQ 1. Hành vi của bị cáo đã phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009. *" 1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác có giá trị từ hai triệu đồng đến dưới năm mươi triệu đồng hoặc dưới hai triệu đồng nhưng gây hậu quả nghiêm trọng hoặc đã bị xử phạt hành chính về hành vi chiếm đoạt hoặc đã bị kết án về tội chiếm đoạt tài sản, chưa được xoá án tích mà còn vi phạm, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến ba năm hoặc phạt tù từ sáu tháng đến ba năm.*

Vì vậy, Viện kiểm sát nhân dân huyện Đắk Glong truy tố bị cáo Nông Văn S về tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"* theo khoản 1 Điều 139 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009 là đúng người, đúng tội, đúng quy định của pháp luật.

[3]. Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo đồng thời ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, đã bồi thường một phần thiệt hại là 5.000.000 đồng, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt. Vì vậy, bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, h, p khoản

1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009.

[4]. Về vật chứng vụ án: Đối với giấy sang nhượng dất ngày 05/3/2015; giấy trao tặng nhà đất thổ cư ngày 05/3/2016; giấy biên nhận chuyển tiền ngày 07/3/2016; giấy sang nhượng nhà đất ngày 12/6/2016; giấy hẹn trả tiền; giấy hoàn trả nhà đất ngày 20/11/2016; giấy biên bản giao lại nhà ngày 01/12/2016. Toàn bộ các vật chứng trên là tài liệu chứng minh hành vi phạm tội của bị cáo cần lưu hồ sơ vụ án nên không xử lý.

Đối với 700.000 đồng bị cáo cho NLQ 3 là tài sản do phạm tội mà có nên cần truy thu sung quỹ nhà nước.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo chiếm đoạt của anh C 23.000.000 đồng, đã bồi thường được 5.000.000 đồng. Vì vậy, bị cáo tiếp tục phải bồi thường cho anh C 18.000.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 42 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; Điều 604, 608 của Bộ luật dân sự năm 2005.

[6]. Về án phí: Bị cáo Nông Văn S phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và dân sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 23, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Toà án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố: Bị cáo Nông Văn S phạm tội *"Lừa đảo chiếm đoạt tài sản"*.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 139; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009;

Xử phạt bị cáo Nông Văn S 07 (*bảy*) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 27/12/2017.

2. Trách nhiệm dân sự: Căn cứ vào Điều 604, Điều 608 của Bộ luật dân sự năm 2005; khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015. Buộc bị cáo Nông Văn S phải tiếp tục bồi thường cho anh Nông Đức C 18.000.000 (*mười tám triệu*) đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Vật chứng vụ án: Áp dụng khoản 1 Điều 41 của Bộ luật hình sự năm 1999 được sửa đổi, bổ sung năm 2009; điểm a khoản 2 Điều 76 của Bộ luật Tố

tụng hình sự năm 2003. Truy thu sung quỹ nhà nước 700.000 (*bảy trăm nghìn*) đồng đối với NLQ 3.

4. Án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 23; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Nông Văn S phải chịu 200.000 *(hai trăm nghìn)* đồng án phí hình sự sơ thẩm và 900.000 (*chín trăm nghìn*) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại có quyền kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm đối với phần có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong thời hạn 15 ngày kể từ nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b, và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận **:**
- TAND tỉnh Đ;
- Sở Tư pháp tỉnh Đ;
- VKSND huyện Đắk Glong;
- Công an huyện Đắk Glong;
- Bộ phận hồ sơ CA huyện Đ;
- Chi cục THA.DS huyện Đ;
- Bị cáo;
- Bị hại;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Vũ Văn Tuân